

Bản án số: 20/2024/HS-ST

Ngày: 25 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- T3 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Anh Tuấn

Bà Nguyễn Thị Anh Quế

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 138/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đỗ Thị M, sinh năm: 1976; Giới tính: Nữ; ĐKTT: Tổ 34 phường Y, quận C, thành phố Hà Nội; Cư trú: Số nhà 41 đường N - Khu đô thị H - phường L - thành phố Nam Định; Quốc tịch: NLQ5 Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đỗ Quang R (là Liệt sỹ) và bà Bùi Thị S, sinh năm 1944; Gia đình có 5 anh em, bị cáo là con thứ 2; chồng Đỗ Văn V, sinh năm 1970 (đã ly hôn); Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 09/10/2023 đến ngày 15-10-2023 chuyển tạm giam. Ngày 09-11-2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho “Bảo lãnh”. Có mặt.

2. Họ và tên: Lưu Tuấn T, sinh năm 1987; Giới tính: Nam; ĐKTT: Tổ 5B khu 10 phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lưu Quốc T1, sinh năm 1956 và bà Đỗ Thị T2, sinh năm 1960; Gia đình có 2 chị em, bị cáo là con thứ 2; vợ Trương Thị T3, sinh năm 1988 (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 09-10-2023 đến ngày 15-10-2023 chuyển tạm giam. Ngày 09-11-2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho “Bảo lãnh” . Có mặt.

3. Họ và tên: Hoàng Văn T3 (tên gọi khác M), sinh năm 1986; Giới tính: Nam; ĐKTT và nơi ở: Xóm 13, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Hoàng Văn T4 (đã chết) và bà Phạm Thị G, sinh năm 1966; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 08/7/2021 TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xử phạt 15 tháng tù, về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 27/5/2011, TAND quận Long Biên, thành phố Hà Nội xử phạt 28 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 18-01-2013. Ngày 20/6/2019, TAND huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định ra Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng. Ngày 15/11/2018, Công an huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi có lời nói, cử chỉ xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác. Ngày 04/8/2010, Công an huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 300.000 đồng về hành vi đánh nhau. Ngày 03-3-2009, UBND huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định ra Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc; đến ngày 12-3-2010 chấp hành xong. Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 09-10-2023 đến ngày 15-10-2023 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định. Có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, sinh năm 1980; trú tại: Xóm Q, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

2. NLQ2, sinh năm 1989; trú tại: Xóm M, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

3. NLQ3, sinh năm 1999; trú tại: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

4. NLQ4, sinh năm 1977; trú tại: Xóm A, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

5. NLQ5, sinh năm 1981; HKTT: Xóm 5, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

6. NLQ6, sinh năm 1984; trú tại: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

7. NLQ7, sinh năm 1978; trú tại: Xóm 4, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

8. NLQ8, sinh năm 1967; trú tại: Xóm 13, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

9. NLQ9, sinh năm 1988; trú tại: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

10. NLQ10, sinh năm 2004; trú tại: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.
 11. NLQ11, sinh năm 1974; trú tại: Thôn Cát Hạ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.
 12. NLQ12, sinh năm 2000; trú tại: Xóm Cường Thịnh, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.
 13. NLQ13, sinh năm 1976; trú tại: Xóm 5, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.
 14. NLQ14, sinh năm 1976; trú tại: Xóm T, xã T1, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.
 15. NLQ15, sinh năm 2001; trú tại: Xóm 4, xã T2, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.
 16. NLQ16, sinh năm 1992; trú tại: TDP Đoài, TT. L, huyện N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.
 17. NLQ17, sinh năm 1988; trú tại: Xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.
 18. NLQ18, sinh năm 1993; trú tại: Khu 6, TT. Y, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.
 19. NLQ19, sinh năm 1972; trú tại: Thôn T1, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.
- *Người làm chứng*: Ông Đỗ Văn K, sinh năm 1959. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Năm 2021, Đỗ Thị M thuê cửa hiệu của ông Đỗ Văn K (sinh năm 1959 tại xóm 1, xã Trục Thái, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định) để kinh doanh dịch vụ cầm đồ và cho khách vay tiền với lãi suất cao từ 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương 108%/năm) đến 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương 180%/năm). Do thuê lại, tại cửa hiệu đã có sẵn biển hiệu cầm đồ "Đại Phát" nên M giữ nguyên và tiếp tục kinh doanh cửa hiệu mà không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định. Bên cạnh đó, vì có quan hệ tình cảm với M nên Lưu Tuấn T đã sinh sống cùng và phụ giúp M kinh doanh cửa hiệu cầm đồ "Đại Phát". Đồng thời, cả hai còn thuê thêm Hoàng Văn T3 (*tên thường gọi là Mao*) làm nhân viên trông coi và nuôi ăn ở tại cửa hiệu đến khoảng tháng 4/2023 thì trả lương 6.000.000 đồng/tháng. Khi khách đến vay tiền thì M hoặc Lưu Tuấn T sẽ trực tiếp thỏa thuận lãi suất vay tiền tùy vào việc khách vay có tài sản thế chấp hay không. Sau đó, để tránh bị các cơ quan chức năng phát hiện, Lưu Tuấn T làm thủ tục cho khách vay dưới hình thức soạn thảo "Giấy mua bán xe", "Giấy bán xe" hoặc "Hợp đồng vay tiền" trên máy vi tính rồi

in ra đưa cho khách ký nhận, điểm chỉ và yêu cầu khách đặt lại giấy tờ tùy thân hoặc tài sản để làm tin. Khi khách vay tiền, M thường cắt lãi trước 01 tháng và thỏa thuận thu tiền lãi của khách dưới hình thức trả tiền trực tiếp tại cửa hàng hoặc nhận tiền qua các tài khoản ngân hàng MB bank số 1023694891 mang tên Hoàng Hồng Nhung; MB bank số 0582014052 mang tên Hoàng Ngọc Anh và tài khoản ngân hàng Á Châu số 21713627 mang tên Vũ Thế Duyệt (là các tài khoản ngân hàng mà M nhờ con dâu và người quen của mình mở hộ để M trực tiếp sử dụng thu tiền lãi, gốc của khách). Khi khách vay tiền chậm trả lãi thì M yêu cầu Lưu Tuấn T và Hoàng Văn T3 trực tiếp đến nhà người vay hoặc gọi điện thoại để thúc giục khách trả lãi.

Ngày 08/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định đã tiếp nhận Đơn tố giác về việc cửa hiệu cầm đồ "Đại Phát" của Đỗ Thị M có hành vi cho vay tiền với lãi suất cao. Quá trình điều tra, căn cứ các tài liệu đã thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định đã xác định được 19 trường hợp vay tiền với lãi suất cao của cửa hiệu cầm đồ "Đại Phát", cụ thể như sau:

** Trường hợp thứ 1: NLQ1, sinh năm 1980; trú tại xóm Q, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định*

- Lần 1: Ngày 14/11/2022, NLQ1 đến cửa hiệu gặp M để vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. M yêu cầu NLQ1 để lại Căn cước công dân (sau đây viết tắt là CCCD) cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe máy BKS 18B1-232.90 của mình để làm tin. Đồng thời, M bảo Lưu Tuấn T soạn thảo trên máy vi tính Giấy bán xe có nội dung NLQ1 bán chiếc xe máy 18B1-232.90 cho M (*trên thực tế không có việc mua bán thật mà chỉ là thủ tục để vay tiền*) rồi đưa cho NLQ1 ký nhận, điểm chỉ dưới mục "Người bán" để làm tin. Sau khi làm thủ tục xong, M cắt lãi trước 01 tháng là 1.500.000 đồng và đưa cho NLQ1 số tiền 8.500.000 đồng. Khoản vay này, NLQ1 đã trả lãi được 08 tháng từ ngày 14/11/2022 đến 14/6/2023 với tổng số tiền là 12.000.000 đồng thì không tiếp tục trả lãi nữa.

Theo quy định của Điều 468 BLDS 2015 lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 20%/năm. Như vậy, số tiền lãi thực tế mà Đỗ Thị M và đồng phạm đã thu ở mức lãi suất cao nhất là 20%/năm của khoản tiền vay (tức là tiền gốc) là: $(10.000.000 \text{ đồng tiền gốc} : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày} \times 20\%) \times 240 \text{ ngày} = 1.333.333 \text{ đồng}$. Số tiền thu lợi bất chính mà các đối tượng thực tế đã thu là: $12.000.000 \text{ đồng} - 1.333.333 \text{ đồng} = 10.666.667 \text{ đồng}$.

Tuy nhiên, căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự, tính đến thời điểm phát hiện ngăn chặn hành vi của M và đồng phạm vào ngày 08/10/2023 thì thời gian NLQ1 vay tiền của các đối tượng là 10 tháng 24 ngày (324 ngày), tương ứng số tiền lãi là 16.200.000 đồng. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của M và

đồng phạm là: $16.200.000 \text{ đồng} - ((10.000.000 : 12 : 30 \times 20\%) \times 324) = 14.400.000 \text{ đồng}$.

(Việc xác định số tiền thu lợi bất chính được áp dụng theo cách tính như trên đối với các trường hợp vay khác)

- Lần 2: Ngày 29/12/2022, NLQ1 cùng vợ là chị Nguyễn Thị Xiêm tiếp tục đến cửa hiệu đặt vấn đề vay của M số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày đồng thời để lại chiếc xe máy BKS 18B1-232.90 làm tin. Do có việc cần sử dụng đến CCCD nên NLQ1 đã đưa cho M Chứng minh nhân dân (sau đây viết tắt là CMND) của chị Xiêm và lấy lại CCCD của mình. M bảo Lưu T3 soạn thảo trên máy tính “Hợp đồng vay tiền” có nội dung vợ chồng NLQ1 - chị Xiêm vay số tiền 10.000.000 đồng để NLQ1 cùng chị Xiêm ký nhận. Sau đó, M cắt lãi trước 01 tháng là 1.500.000 đồng và đưa cho NLQ1 8.500.000 đồng. Khoản vay này, NLQ1 trả lãi được 07 tháng từ ngày 29/12/2022 đến ngày 29/7/2023 với tổng số tiền là 10.500.000 đồng thì không tiếp tục trả lãi nữa. Hiện NLQ1 vẫn nợ 10.000.000 đồng tiền gốc đồng thời chưa lấy lại CMND của chị Xiêm cùng chiếc xe máy 18B1-232.90 và Giấy chứng nhận đăng ký xe. Số tiền thu lợi bất chính mà các đối tượng thực tế đã thu là: $10.500.000 \text{ đồng} - ((10.000.000 \text{ đồng} : 12 : 30 \times 20\%) \times 210) = 9.333.333 \text{ đồng}$.

Tính đến thời điểm phát hiện, ngăn chặn vào ngày 08/10/2023 thì thời gian NLQ1 vay tiền của các đối tượng là 09 tháng 09 ngày (279 ngày), tương đương với số tiền lãi là 13.950.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của M và đồng phạm là: $13.950.000 \text{ đồng} - ((10.000.000 \text{ đồng} : 12 : 30 \times 20\%) \times 279) = 12.400.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, sau 02 lần cho NLQ1 vay tổng số tiền 20.000.000 đồng, Đỗ Thị M và đồng phạm đã thu lợi bất chính thực tế tổng số tiền là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của các đối tượng là 26.800.000 đồng. Hiện NLQ1 vẫn chưa trả 20.000.000 đồng tiền gốc vay.

** Trường hợp thứ 2: Anh NLQ2, sinh năm 1989; trú tại: Xóm M, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định*

- Lần 1: Ngày 07/3/2023, anh NLQ2 đến cửa hiệu gặp M và Lưu Tuấn T để vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. M bảo Lưu Tuấn T soạn thảo 01 Giấy mua bán xe rồi yêu cầu anh NLQ2 ký nhận, điền chỉ vào để làm tin. Sau đó, M cắt lãi trước 01 tháng là 1.500.000 đồng và đưa cho anh NLQ2 8.500.000 đồng. Khoản vay này, anh NLQ2 đã trả lãi cho M được 05 tháng từ ngày 07/3/2023 đến 07/8/2023 với tổng số tiền là 7.500.000 đồng thì không trả lãi nữa. Số tiền thu lợi bất chính mà các đối tượng thực tế đã thu là: $7.500.000 \text{ đồng} - ((10.000.000 \text{ đồng} : 12 : 30 \times 20\%) \times 150) = 6.666.666 \text{ đồng}$.

Tính đến thời điểm phát hiện, ngăn chặn vào ngày 08/10/2023 thì thời gian anh NLQ2 vay tiền của các đối tượng là 07 tháng 01 ngày (211 ngày), tương đương với số tiền lãi là 10.550.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính để xác

định trách nhiệm hình sự của M và đồng phạm là: $10.550.000 \text{ đồng} - ((10.000.000 \text{ đồng}:12:30 \times 20\%) \times 211) = 9.377.777 \text{ đồng}$.

- Lần 2: Ngày 02/4/2023, anh NLQ2 tiếp tục đến cửa hiệu đặt vấn đề vay M số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất vay là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. M yêu cầu Lưu Tuấn T soạn thảo Giấy mua bán xe rồi yêu cầu anh NLQ2 ký, điếm chỉ vào để làm tin. Sau đó, M cắt lãi trước 01 tháng là 1.500.000 đồng và đưa cho anh NLQ2 8.500.000 đồng. Khoản vay này, anh NLQ2 đã trả tiền lãi được 05 tháng từ ngày 02/4/2023 đến ngày 02/9/2023 với tổng số tiền là 7.500.000 đồng thì không trả lãi nữa. Số tiền thu lợi bất chính mà các đối tượng thực tế đã thu là: $7.500.000 \text{ đồng} - ((10.000.000 \text{ đồng}:12:30 \times 20\%) \times 150) = 6.666.666 \text{ đồng}$.

Tính đến thời điểm phát hiện, ngăn chặn vào ngày 08/10/2023 thì thời gian anh NLQ2 vay tiền của các đối tượng là 06 tháng 06 ngày (186 ngày), tương đương với số tiền lãi là 9.300.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của M và đồng phạm là: $9.300.000 \text{ đồng} - ((10.000.000 \text{ đồng}:12:30 \times 20\%) \times 186) = 8.266.666 \text{ đồng}$.

Như vậy, sau 02 lần cho anh NLQ2 vay tổng số tiền 20.000.000 đồng, Đỗ Thị M và đồng phạm đã thu lợi bất chính thực tế tổng số tiền là 13.333.332 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của các đối tượng là 17.644.443 đồng. Hiện anh NLQ2 vẫn chưa trả 20.000.000 đồng tiền gốc vay.

** Trường hợp thứ 3: Anh NLQ3, sinh năm 1999; trú tại: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định*

- Lần 1: Ngày 15/6/2022, anh NLQ3 đến cửa hiệu cầm đồ gặp M và Lưu Tuấn T vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. M bảo Lưu Tuấn T soạn thảo 01 Giấy mua bán xe rồi yêu cầu anh NLQ3 ký, điếm chỉ vào để làm tin. Sau đó, M cắt lãi trước 01 tháng là 3.000.000 đồng và đưa cho anh NLQ3 số tiền 17.000.000 đồng. Khoản vay này Anh NLQ3 đã trả lãi được 12 tháng (360 ngày) từ ngày 15/6/2022 đến ngày 15/6/2023 với tổng số tiền là 36.000.000 đồng thì thống nhất với M về việc dừng trả lãi để trả nợ gốc. Hiện anh NLQ3 đã trả hết số tiền nợ gốc cho M. Số tiền M và đồng phạm đã thu lợi bất chính là: $36.000.000 \text{ đồng} - ((20.000.000 \text{ đồng}:12:30 \times 20\%) \times 360) = 32.000.000 \text{ đồng}$.

- Lần 2: Ngày 18/10/2022, anh NLQ3 tiếp tục đến cửa hiệu gặp và vay của M số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Lưu Tuấn T tiếp tục soạn thảo 01 Giấy mua bán xe rồi yêu cầu anh NLQ3 ký, điếm chỉ vào để làm tin. Sau đó, M cắt lãi trước 01 tháng là 1.500.000 đồng và đưa cho anh NLQ3 số tiền 8.500.000 đồng. Khoản vay này anh NLQ3 đã trả lãi đầy đủ 09 tháng (270 ngày) từ ngày 18/10/2022 đến ngày 18/7/2023 với tổng số tiền là 13.500.000 đồng thì thống nhất với M về việc dừng trả lãi để trả nợ gốc. Hiện anh NLQ3 đã trả hết số tiền nợ gốc cho M. Số tiền M và đồng phạm đã thu lợi

bất chính là: $13.500.000 \text{ đồng} - ((10.000.000 \text{ đồng}:12:30 \times 20\%) \times 270) = 12.000.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, sau 02 lần cho anh NLQ3 vay tổng số tiền là 30.000.000 đồng, Đỗ Thị M và đồng phạm đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 44.000.000 đồng.

** Trường hợp thứ 4: Anh NLQ4, sinh năm 1977; trú tại: Xóm A, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định*

Ngày 09/3/2022, anh NLQ4 đến cửa hiệu cầm đồ gặp M và Lưu Tuấn T vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. M cắt lãi trước 01 tháng là 3.000.000 đồng và đưa cho anh NLQ4 17.000.000 đồng. Khoản vay này, anh NLQ4 đã trả lãi được 11 tháng từ ngày 09/3/2022 đến ngày 09/02/2023 với tổng số tiền là 33.000.000 đồng thì không trả lãi nữa. Hiện anh NLQ4 vẫn nợ số tiền gốc 20.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính mà các đối tượng thực tế đã thu là: $33.000.000 \text{ đồng} - ((20.000.000 \text{ đồng}:12:30 \times 20\%) \times 330) = 29.333.333 \text{ đồng}$.

Tính đến thời điểm phát hiện, ngăn chặn vào ngày 08/10/2023 thì thời gian anh NLQ4 vay tiền của các đối tượng là 18 tháng 29 ngày (569 ngày), tương đương với số tiền lãi là 56.900.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của Đỗ Thị M và đồng phạm là: $56.900.000 \text{ đồng} - ((20.000.000 \text{ đồng} :12:30 \times 20\%) \times 569) = 50.577.777 \text{ đồng}$.

** Trường hợp thứ 5: Anh NLQ5, sinh năm 1981; HKTT: Xóm 5, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định*

Ngày 22/12/2022, anh NLQ5 đến cửa hiệu cầm đồ gặp M và Lưu Tuấn T đặt lại 01 Giấy phép lái xe mang tên mình để vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Ngày 23/12/2022, anh NLQ5 đến trả 25.000.000 đồng tiền nợ gốc và nợ lãi 25.000.000 đồng. Đối với 25.000.000 đồng tiền gốc anh NLQ5 đã trả, M tính tiền lãi 02 ngày là 1.700.000 đồng (tương đương 1.224%/năm). Số tiền M và đồng phạm đã thu lợi bất chính đối với khoản vay 25.000.000 đồng trong 02 ngày là: $1.700.000 \text{ đồng} - ((25.000.000 \text{ đồng}:12:30 \times 20\%) \times 2) = 1.672.222 \text{ đồng}$.

Đối với số tiền gốc vay 25.000.000 đồng còn lại, anh NLQ5 đã trả lãi được 02 tháng (60 ngày) đến tháng 02/2023 với tổng số tiền 7.500.000 đồng thì trả 23.000.000 đồng tiền nợ gốc. Số tiền nợ gốc 2.000.000 đồng còn lại thì M và anh NLQ5 thống nhất không tính lãi nữa. Hiện anh NLQ5 vẫn chưa trả 2.000.000 đồng tiền gốc đồng thời chưa lấy lại Giấy phép lái xe. Số tiền M và đồng phạm đã thu lợi bất chính đối với khoản vay này là: $7.500.000 \text{ đồng} - ((25.000.000 \text{ đồng}:12:30 \times 20\%) \times 60) = 6.666.666 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính mà M và đồng phạm đã thu được sau khi cho anh NLQ5 vay tiền là 8.338.888 đồng.

** Trường hợp thứ 6: Anh NLQ6, sinh năm 1984; trú tại: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định*

- Lần 1: Khoảng đầu tháng 8/2023, anh NLQ6 đến cửa hiệu cầm đồ gặp M và Lưu Tuấn T vay 20.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Sau khi anh NLQ6 ký, điền chỉ vào Giấy mua bán xe do Lưu Tuấn T soạn thảo, M cắt lãi trước 01 tháng là 3.000.000 đồng và đưa cho anh NLQ6 số tiền 17.000.000 đồng. Khoản vay này, anh NLQ6 đã trả lãi đến đầu tháng 10/2023 là được 2 tháng (60 ngày) với tổng số tiền 6.000.000 đồng. Số tiền M và đồng phạm đã thu lợi bất chính là: $6.000.000 \text{ đồng} - ((20.000.000 \text{ đồng} : 12 : 30 \times 20\%) \times 60) = 5.333.3333 \text{ đồng}$.

- Lần 2: Khoảng cuối tháng 8/2023, anh NLQ6 tiếp tục đến cửa hiệu gặp M và Lưu Tuấn T vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Khoản vay, này anh NLQ6 đã trả lãi đến cuối tháng 10/2023 là được 02 tháng (60 ngày) với tổng số tiền 3.000.000 đồng. Số tiền M và đồng phạm đã thu lợi bất chính là: $3.000.000 \text{ đồng} - ((10.000.000 \text{ đồng} : 12 : 30 \times 20\%) \times 60) = 2.666.667 \text{ đồng}$.

- Lần 3: Ngày 02/10/2023, anh NLQ6 tiếp tục đến cửa hiệu gặp M và Lưu Tuấn T vay 15.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. M cắt lãi trước 01 tháng là 2.250.000 đồng và đưa cho anh NLQ6 số tiền 12.250.000 đồng. Số tiền M và đồng phạm đã thu lợi bất chính là: $2.250.000 \text{ đồng} - ((15.000.000 \text{ đồng} : 12 : 30 \times 20\%) \times 30) = 2.000.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, sau 03 lần cho anh NLQ6 vay tổng số tiền 45.000.000 đồng, Đỗ Thị M và đồng phạm đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 10.000.000 đồng. Hiện anh NLQ6 vẫn chưa trả 45.000.000 đồng tiền gốc vay.

** Trường hợp thứ 7: Anh NLQ7, sinh năm 1978; trú tại: Xóm 4, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định*

- Lần 1: Ngày 19/10/2022, anh NLQ7 đến cửa hiệu cầm đồ đặt lại 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe máy BKS18E1-27.07 để vay của M số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. M cắt lãi trước 01 tháng là 7.500.000 đồng và đưa cho anh NLQ7 42.500.000 đồng. Khoản vay này, anh NLQ7 đã trả lãi 06 tháng (180 ngày) từ ngày 19/10/2022 đến ngày 19/4/2023 với tổng số tiền là 45.000.000 đồng thì trả hết nợ gốc và lấy lại 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe máy BKS18E1-27.07. Số tiền M và đồng phạm đã thu lợi bất chính là: $45.000.000 \text{ đồng} - ((50.000.000 \text{ đồng} : 12 : 30 \times 20\%) \times 180) = 40.000.000 \text{ đồng}$.

- Lần 2: Ngày 10/12/2022, anh NLQ7 tiếp tục đến cửa hiệu gặp M vay số tiền 55.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Khi vay, M cắt lãi trước 01 tháng là 8.250.000 đồng và đưa cho anh NLQ7 46.750.000 đồng. Khoản vay này, anh NLQ7 trả lãi 06 tháng (180 ngày) với tổng số tiền là 49.500.000 đồng thì trả hết nợ gốc. Số tiền M và đồng phạm đã thu lợi bất chính là: $49.500.000 \text{ đồng} - ((55.000.000 \text{ đồng} : 12 : 30 \times 20\%) \times 180) = 44.000.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, sau 02 lần cho NLQ7 vay tổng số tiền 105.000.000 đồng, Đỗ Thị M và đồng phạm đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 84.000.000 đồng.

** Trường hợp thứ 8: Bà NLQ8, sinh năm 1967; trú tại: Xóm 13, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định*

Ngày 27/12/2022, bà NLQ8 có đến cửa hiệu cầm đồ, đặt lại 01 CCCD để vay M số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. M bảo Lưu Tuấn T soạn thảo Giấy mua bán xe để bà NLQ8 ký vào. Sau đó, M cắt lãi trước 01 tháng là 1.500.000 đồng và đưa cho bà NLQ8 số tiền 8.500.000 đồng. Khoản vay này, bà NLQ8 đã trả lãi được 09 tháng (270 ngày) từ ngày 27/12/2022 đến ngày 27/9/2023 với tổng số tiền là 13.500.000 đồng. Hiện bà NLQ8 vẫn chưa trả 10.000.000 đồng tiền gốc vay đồng thời chưa lấy lại CCCD. Số tiền thu lợi bất chính mà các đối tượng thực tế đã thu là: $13.500.000 \text{ đồng} - ((10.000.000 \text{ đồng} : 12:30 \times 20\%) \times 270) = 12.000.000 \text{ đồng}$.

Tính đến thời điểm phát hiện, ngăn chặn vào ngày 08/10/2023 thì thời gian bà NLQ8 vay tiền của các đối tượng là 09 tháng 11 ngày (281 ngày) tương đương với số tiền lãi là 14.050.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của Đỗ Thị M và đồng phạm là: $14.050.000 \text{ đồng} - ((10.000.000 \text{ đồng} : 12:30 \times 20\%) \times 281) = 12.488.888 \text{ đồng}$.

** Trường hợp thứ 9: Anh NLQ9, sinh năm 1988; trú tại: Thôn Cát Hạ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định*

- Lần 1: Ngày 08/5/2023, anh NLQ9 đến cửa hiệu đặt lại 01 CCCD mang tên mình để vay M số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Sau khi anh NLQ9 ký và điểm chỉ vào Giấy mua bán xe do Lưu Tuấn T soạn thảo, M cắt lãi trước 01 tháng là 4.500.000 đồng và đưa cho anh NLQ9 số tiền 25.500.000 đồng. Khoản vay này, anh NLQ9 vay trong 10 ngày rồi trả hết nợ gốc và lấy CCCD về nên M tính lãi 10 ngày vay là 2.500.000 đồng (*trương đương 300%/năm*). Số tiền M và đồng phạm đã thu lợi bất chính là: $2.500.000 \text{ đồng} - ((30.000.000 \text{ đồng} : 12:30 \times 20\%) \times 10) = 2.333.333 \text{ đồng}$.

- Lần 2: Ngày 19/5/2023, anh NLQ9 đến cửa hiệu cầm đồ, đặt lại 01 CCCD của vợ mình là chị Nguyễn Thị Huyền để vay M số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Khoản vay này, M không cắt lãi trước mà đưa cho anh NLQ9 đủ tiền vay. Khoản vay này, anh NLQ9 trả lãi 03 tháng (90 ngày) từ ngày 19/5/2023 đến ngày 19/8/2023 với tổng số tiền là 9.000.000 đồng thì trả hết nợ gốc và lấy lại CCCD của chị Huyền. Số tiền M và đồng phạm đã thu lợi bất chính là: $9.000.000 \text{ đồng} - ((20.000.000 \text{ đồng} : 12:30 \times 20\%) \times 90) = 8.000.000 \text{ đồng}$.

- Lần 3: Ngày 28/5/2023, anh NLQ9 tiếp tục đến cửa hiệu cầm đồ vay 10.000.000 đồng cũng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Khi vay, M cắt lãi trước 01 tháng là 1.500.000 đồng và đưa cho anh NLQ9 số tiền 8.500.000 đồng. Khoản vay này, anh NLQ9 đã trả lãi được 04 tháng (120 ngày) từ ngày 28/5/2023 đến ngày 28/9/2023 với tổng số tiền là 6.000.000 đồng và chưa trả nợ

gốc. Số tiền thu lợi bất chính mà các đối tượng thực tế đã thu là: 6.000.000 đồng – $((10.000.000 \text{ đồng} : 12 : 30 \times 20\%) \times 120) = 5.333.333 \text{ đồng}$.

Tính đến thời điểm phát hiện, ngăn chặn vào ngày 08/10/2023 thì thời gian anh NLQ9 vay tiền của các đối tượng là 04 tháng 10 ngày (130 ngày) tương đương với số tiền lãi là 6.500.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của Đỗ Thị M và đồng phạm là: 6.500.000 đồng – $((10.000.000 \text{ đồng} : 12 : 30 \times 20\%) \times 130) = 5.777.777 \text{ đồng}$.

- Lần 4: Ngày 17/6/2023, anh NLQ9 tiếp tục đến cửa hiệu cầm đồ vay M số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Khi vay, M cắt lãi trước 01 tháng là 1.500.000 đồng và đưa cho anh NLQ9 8.500.000 đồng. Khoản vay này, anh NLQ9 đã trả lãi được 03 tháng (90 ngày) từ ngày 17/6/2023 đến ngày 17/9/2023 với tổng số tiền là 4.500.000 đồng và chưa trả nợ gốc. Số tiền thu lợi bất chính mà các đối tượng thực tế đã thu là: 4.500.000 đồng – $((10.000.000 \text{ đồng} : 12 : 30 \times 20\%) \times 90) = 4.000.000 \text{ đồng}$.

Tính đến thời điểm phát hiện, ngăn chặn vào ngày 08/10/2023 thì thời gian anh NLQ9 vay tiền của các đối tượng là 03 tháng 21 ngày (111 ngày), tương đương với số tiền lãi là 5.550.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của Đỗ Thị M và đồng phạm là: 5.550.000 đồng – $((10.000.000 \text{ đồng} : 12 : 30 \times 20\%) \times 111) = 4.933.333 \text{ đồng}$.

Như vậy, sau 04 lần cho anh NLQ9 vay tổng số tiền 70.000.000 đồng, Đỗ Thị M và đồng phạm đã thu lợi bất chính thực tế số tiền là 19.666.666 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của các đối tượng là 21.044.443 đồng. Hiện anh NLQ9 vẫn chưa trả 20.000.000 đồng tiền gốc vay.

** Trường hợp thứ 10: NLQ10, sinh năm 2004; trú tại: Thôn Cường Liêm, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định*

Ngày 06/10/2023, NLQ10 đến cửa hiệu cầm đồ, đặt lại 01 CCCD và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe máy BKS 18E1-483.75 mang tên mình để vay của M số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. M cắt lãi trước 01 tháng là 750.000 đồng và đưa cho NLQ10 số tiền 4.250.000 đồng. Hiện NLQ10 vẫn chưa trả 5.000.000 đồng tiền gốc vay đồng thời chưa lấy lại giấy tờ cá nhân. Số tiền Đỗ Thị M và các đồng phạm đã thu lợi bất chính là: 750.000 đồng – $((5.000.000 \text{ đồng} : 12 : 30 \times 20\%) \times 30) = 666.666 \text{ đồng}$.

** Trường hợp thứ 11: NLQ11, sinh năm 1974; trú tại: Thôn Cát Hạ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định*

Ngày 21/9/2022, NLQ11 đến cửa hiệu, đặt lại 02 CCCD của mình và vợ mình là chị Chu Thị Xu để vay M số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. M cắt lãi trước 01 tháng là 4.500.000 đồng và đưa cho NLQ11 số tiền 25.500.000 đồng. Khoản vay này, NLQ11 đã trả lãi được 12 tháng (360 ngày) từ ngày 21/9/2022 đến ngày 21/9/2023 với tổng số tiền là 54.000.000 đồng. Hiện NLQ11 vẫn chưa trả 30.000.000 đồng nợ gốc đồng thời chưa lấy lại 02 CCCD. Số tiền thu lợi bất chính mà các đối tượng thực tế đã thu

là: $54.000.000 \text{ đồng} - ((30.000.000 \text{ đồng} : 12:30 \times 20\%) \times 360) = 48.000.000 \text{ đồng}$.

Tính đến thời điểm phát hiện, ngăn chặn vào ngày 08/10/2023 thì thời gian NLQ11 vay tiền của các đối tượng là 12 tháng 17 ngày (377 ngày), tương đương với số tiền lãi là 56.550.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của Đỗ Thị M và đồng phạm là: $56.550.000 \text{ đồng} - ((30.000.000 \text{ đồng} : 12:30 \times 20\%) \times 377) = 50.266.666 \text{ đồng}$.

** Trường hợp thứ 12: NLQ12, sinh năm 2000; trú tại: Xóm Cường Thịnh, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định*

- Lần 1: Ngày 30/8/2023, NLQ12 đến cửa hiệu cầm đồ gặp M để vay 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. M cắt lãi trước 01 tháng là 1.500.000 đồng và đưa cho NLQ12 số tiền 8.500.000 đồng. Khoản vay này, NLQ12 đã trả lãi được 02 tháng từ ngày 30/8/2023 đến ngày 30/10/2023 với số tiền là 3.000.000 đồng và chưa trả tiền nợ gốc. Số tiền M và các đồng phạm đã thu lợi bất chính là: $3.000.000 \text{ đồng} - ((10.000.000 \text{ đồng} : 12:30 \times 20\%) \times 60) = 2.666.666 \text{ đồng}$.

- Lần 2: Ngày 30/9/2023, NLQ12 tiếp tục đến cửa hiệu vay M 5.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. M cắt lãi trước 01 tháng là 750.000 đồng và đưa cho NLQ12 4.250.000 đồng. Hiện NLQ12 vẫn nợ tiền vay gốc 5.000.000 đồng. Số tiền M và các đồng phạm đã thu lợi bất chính là: $750.000 \text{ đồng} - ((5.000.000 \text{ đồng} : 12:30 \times 20\%) \times 30) = 666.666 \text{ đồng}$.

Như vậy, sau 02 lần cho NLQ12 vay tổng số tiền 15.000.000 đồng, Đỗ Thị M và các đồng phạm đã thu lợi bất chính số tiền là 3.333.332 đồng. Hiện NLQ12 vẫn chưa trả 15.000.000 đồng tiền gốc vay.

** Trường hợp thứ 13: NLQ13, sinh năm 1976; trú tại: Xóm 5, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định*

Ngày 14/01/2023, NLQ13 đến cửa hiệu gặp và vay M 20.000.000 đồng với lãi suất NLQ19 thuận là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. M cắt lãi trước 01 tháng là 3.000.000 đồng và đưa cho NLQ13 17.000.000 đồng. Đến ngày 17/01/2023, NLQ13 vay thêm 30.000.000 đồng cũng với lãi suất NLQ19 thuận là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. M cũng cắt lãi trước 01 tháng là 4.500.000 đồng và đưa cho NLQ13 25.500.000 đồng. Sau đó, M và NLQ13 thống nhất gộp cả 02 khoản vay trên lại là NLQ13 vay số tiền 50.000.000 đồng và mỗi tháng phải trả tiền lãi là 7.500.000 đồng. Khoản vay này, NLQ13 đã trả tiền lãi được 05 tháng từ ngày 17/01/2023 đến ngày 17/6/2023 (150 ngày) với tổng số tiền là 37.500.000 đồng thì trả hết nợ gốc. Số tiền Đỗ Thị M và các đồng phạm đã thu lợi bất chính là: $37.500.000 \text{ đồng} - ((50.000.000 \text{ đồng} : 12:30 \times 20\%) \times 150) = 33.333.333 \text{ đồng}$.

** Trường hợp thứ 14: NLQ14, sinh năm 1976; trú tại: Xóm Thám Nghĩa, xã T1, huyện T, tỉnh Nam Định*

Ngày 28/9/2023, NLQ14 đến cửa hiệu cầm đồ, đặt lại 01 chiếc xe máy BKS 18E1-426.63 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe và CCCD của mình để vay M 15.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Sau đó, NLQ14 đề nghị M đưa đủ số tiền vay là 15.000.000 đồng nên M không cắt lãi trước. Hiện NLQ14 vẫn chưa trả nợ gốc đồng thời chưa lấy xe cùng giấy tờ cá nhân về. Tính đến thời điểm phát hiện, ngăn chặn vào ngày 08/10/2023 thì thời gian NLQ14 vay tiền của các đối tượng là 10 ngày, tương đương với số tiền lãi là 450.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của Đỗ Thị M và đồng phạm là: $450.000 \text{ đồng} - ((15.000.000 \text{ đồng} : 12 : 30 \times 20\%) \times 10) = 366.666 \text{ đồng}$.

** Trường hợp thứ 15: NLQ15, sinh năm 2001; trú tại: Xóm 4, xã T2, huyện T, tỉnh Nam Định*

Ngày 22/9/2023, NLQ15 đến cửa hiệu cầm đồ đặt lại 01 CCCD và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe (đều mang tên bố đẻ NLQ15) để vay M 15.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. M cắt lãi trước 01 tháng là 2.250.000 đồng và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của NLQ15 số tiền 12.750.000 đồng. Sau đó, do cần sử dụng giấy tờ nên NLQ15 đã mang 01 chiếc xe máy Honda Vision BKS 18E1-377.43 đến cửa hiệu đặt lại cho M để làm tin rồi lấy giấy tờ của bố mình về. Hiện NLQ15 vẫn chưa trả số tiền gốc vay đồng thời chưa lấy xe máy về. Số tiền Đỗ Thị M và các đồng phạm đã thu lợi bất chính là: $2.250.000 \text{ đồng} - ((15.000.000 \text{ đồng} : 12 : 30 \times 20\%) \times 30) = 2.000.000 \text{ đồng}$.

** Trường hợp thứ 16: NLQ16, sinh năm 1992; trú tại: TDP Đoàn, thị trấn Liễu Đề, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định*

Ngày 11/9/2023, NLQ16 đến cửa hiệu cầm đồ và đặt lại 01 chiếc xe máy BKS 18L1-507.66 để vay M 7.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. NLQ16 đề nghị vay đủ tiền nên M không cắt lãi trước và đưa đủ cho NLQ16 số tiền 7.000.000 đồng. Hiện NLQ16 vẫn chưa trả tiền lãi và tiền vay gốc. Tính đến thời điểm phát hiện, ngăn chặn vào ngày 08/10/2023, thời gian NLQ16 vay tiền của các đối tượng là 27 ngày, tương đương với số tiền lãi là 567.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của Đỗ Thị M và đồng phạm là: $567.000 \text{ đồng} - ((7.000.000 \text{ đồng} : 12 : 30 \times 20\%) \times 27) = 462.000 \text{ đồng}$.

** Trường hợp thứ 17: NLQ17, sinh năm 1988; trú tại: Xóm Nam Cường, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định*

Ngày 06/01/2023, NLQ17 đến cửa hiệu vay của M số tiền 6.000.000 đồng với lãi suất vay 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. M cắt lãi trước 01 tháng là 900.000 đồng và đưa cho NLQ17 5.100.000 đồng. Khoản vay này, NLQ17 đã trả lãi được 08 tháng (240 ngày) từ ngày 06/01/2023 đến ngày 06/9/2023 với tổng số tiền là 7.200.000 đồng và chưa trả nợ gốc. Số tiền thu lợi bất chính mà các đối

tượng thực tế đã thu là: $7.200.000 \text{ đồng} - ((6.000.000 \text{ đồng} : 12 : 30 \times 20\%) \times 240) = 6.400.000 \text{ đồng}$.

Tính đến thời điểm phát hiện, ngăn chặn vào ngày 08/10/2023, thời gian NLQ17 vay tiền các đối tượng là 09 tháng 02 ngày (272 ngày), tương đương với số tiền lãi là 8.160.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của Đỗ Thị M và đồng phạm là: $8.160.000 \text{ đồng} - ((6.000.000 \text{ đồng} : 12 : 30 \times 20\%) \times 272) = 7.253.333 \text{ đồng}$.

** Trường hợp thứ 18: NLQ18, sinh năm 1993; trú tại: Khu 6, thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định*

Ngày 06/10/2023, NLQ18 đến cửa hiệu cầm đồ và cầm cố chiếc xe máy Honda SH BKS 18H1-698.56 để vay M số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất vay 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. M cắt lãi trước 01 tháng là 2.700.000 đồng và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của NLQ18 số tiền 27.300.000 đồng. Đến ngày 08/10/2023, NLQ18 đã đến trả hết nợ gốc và lấy lại chiếc xe máy BKS 18H1-698.56 thì M tính tiền lãi cho 02 ngày vay là 1.350.000 đồng (*tương đương 810%/năm*). Số tiền Đỗ Thị M và các đồng phạm đã thu lợi bất chính là: $1.350.000 \text{ đồng} - ((30.000.000 \text{ đồng} : 12 : 30 \times 20\%) \times 02) = 1.316.666 \text{ đồng}$

** Trường hợp thứ 19: NLQ19, sinh năm 1972; trú tại: Thôn Tiên Phong, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định*

Khoảng cuối tháng 9/2023 (không xác định được thời gian cụ thể), NLQ19 đến cửa hiệu cầm đồ cầm cố chiếc xe máy BKS 18B2-018.69 để vay M 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. M cắt lãi trước 01 tháng là 1.500.000 đồng và đưa cho NLQ19 8.500.000 đồng. Hiện nay NLQ19 vẫn chưa trả 10.000.000 đồng tiền gốc vay đồng thời chưa lấy lại chiếc xe máy BKS 18B2-018.69. Số tiền Đỗ Thị M và các đồng phạm đã thu lợi bất chính là: $1.500.000 \text{ đồng} - ((10.000.000 \text{ đồng} : 12 : 30 \times 20\%) \times 30) = 1.333.333 \text{ đồng}$.

* Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Thị M, Lưu Tuấn T đã khai nhận toàn bộ hành vi cho 19 người vay lãi nặng để thu lợi bất chính như trên.

Hoàng Văn T3 đã khai nhận việc được Đỗ Thị M thuê làm nhân viên trông coi cửa hiệu và liên hệ để đòi nợ khi người vay tiền chậm trả tiền lãi từ tháng 5/2022, quá trình làm việc T3 biết được M cùng với Lưu Tuấn T cho nhiều người vay tiền với lãi suất từ 3000 đồng/1 triệu/1 ngày trở lên nhưng không biết cụ thể lãi suất của từng người vay.

* Đối với hành vi Đỗ Thị M và đồng phạm đã cho chị Nguyễn Thị Vui vay 10.000.000 đồng vào ngày 06/11/2021 với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, chị Vui đã trả tiền lãi được 09 tháng đến ngày 06/8/2022 với tổng số tiền 13.500.000 đồng; đồng thời đã trả 7.500.000 đồng tiền gốc. Đối với số tiền gốc còn lại là 2.500.000 đồng thì M và chị Vui thống nhất không tính lãi nữa. Do số tiền các bị can đã thu lợi bất chính dưới 30 triệu đồng và tính đến ngày 08/10/2023 thì đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên không xem xét xử lý.

* Ngoài ra, Đỗ Thị M và đồng phạm còn cho 27 người khác vay tiền, tuy nhiên hiện tại những người này không có mặt tại địa phương cư trú, chỉ thu được Giấy mua bán xe; Giấy bán xe mô tô của những người này nhưng trên giấy không ghi mức lãi suất. Đỗ Thị M và đồng phạm không nhớ được lãi suất cho vay cũng như số tiền lãi đã thu được của từng trường hợp cụ thể. Đối với phần tài liệu này, Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Nam Định tách ra để điều tra, xác minh tiếp.

* Đối với hành vi Hoàng Văn T3 tàng trữ, cất giấu 01 con dao là vũ khí thô sơ tại cửa hiệu cầm đồ Đại Phát, Công an tỉnh Nam Định đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Hoàng Văn T3

* Đối với hành vi của Hoàng Hồng Nhung, Hoàng Ngọc Anh và Vũ Thế Duyệt cho Đỗ Thị M mượn tài khoản ngân hàng mang tên mình để M sử dụng nhưng không biết, không liên quan đến việc M và đồng phạm cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự cùng với hành vi Đỗ Thị M mượn các tài khoản ngân hàng của 03 người trên đều là hành vi vi phạm hành chính nên Cơ quan điều tra đều ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nhung, Ngọc Anh, Duyệt và M.

* Đối với ông Đỗ Văn K cho Đỗ Thị M thuê lại cửa hiệu cầm đồ "Đại Phát" nhưng không biết và không liên quan đến việc M và đồng phạm cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

* Cáo trạng số: 140/CT-VKSND-P3 ngày 30-11-2023 của VKSND tỉnh Nam Định truy tố: Đỗ Thị M, Lưu Tuấn T, Hoàng Văn T3 về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân và đều xác nhận bị VKSND tỉnh Nam Định truy tố như nội dung bản cáo trạng là đúng, không oan và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

- Bị cáo Lưu Tuấn T trình bày: Bị cáo tự nguyện nộp 20.000.000 đồng để cùng với bị cáo M khắc phục số tiền chiếm hưởng bị truy thu, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Thị M, Lưu Tuấn T và Hoàng Văn T3 phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 BLHS; xử phạt bị cáo Đỗ Thị M từ 12

tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 BLH; xử phạt bị cáo Lưu Tuấn T từ 9 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 BLH; xử phạt bị cáo Hoàng Văn T3 từ 9 tháng đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Buộc bị cáo Đỗ Thị M phải hoàn trả toàn bộ số tiền đã thu lợi bất chính thực tế là 337.055.549 đồng cho những người vay tiền. Truy thu của bị cáo Đỗ Thị M tổng số tiền lãi trong phạm vi 20%/năm mà bị cáo đã thu được từ việc cho vay lãi nặng và tổng số tiền gốc sử dụng vào việc cho vay lãi nặng mà bị cáo đã thu về để sung vào Ngân sách Nhà nước sau khi đối trừ với số tiền bị cáo Đỗ Thị M, bị cáo Lưu Tuấn T đã tự nguyện nộp lại để khắc phục hậu quả và số tiền 101.220.198 đồng đã tạm giữ của bị cáo M. Truy thu những người vay tiền còn nợ tiền gốc của cửa hiệu cầm đồ Đại Phát, tổng cộng là 240.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Truy thu của bị cáo Hoàng Văn T3 số tiền công là 30.000.000 đồng mà bị cáo đã được trả khi làm việc tại cửa hiệu cầm đồ Đại Phát vì đây là tiền do phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận: Đỗ Thị M thuê cửa hiệu của ông Đỗ Văn K (sinh năm 1959, địa chỉ: Xóm 1 xã Trục Thái, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định) để kinh doanh dịch vụ cầm đồ và cho khách vay tiền. Do khi thuê lại, cửa hiệu đã có sẵn biển hiệu cầm đồ “Đại phát” nên M giữ nguyên và tiếp tục kinh doanh cửa hiệu

mà không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định. Lưu Tuấn T sinh sống cùng M và phụ giúp M kinh doanh cửa hiệu cầm đồ “Đại phát” đồng thời cả hai thuê Hoàng Văn T3 (tên thường gọi là Mao) làm nhân viên trông coi và nuôi ăn ở tại cửa hiệu; đến khoảng tháng 4/2023 thì trả lương 6.000.000 đồng/tháng. Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến tháng 10/2023, Đỗ Thị M, Lưu Tuấn T, Hoàng Văn T3 đã cho 19 người vay tổng số tiền là 553.000.000 đồng với mức lãi suất từ 108%/năm đến 180%/năm (gấp 5,4 lần đến 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 20%); thu về tổng số tiền lãi là 378.750.000 đồng, trong đó khoản tiền lãi tương ứng 20%/năm là 41.694.451 đồng và thu lợi bất chính thực tế số tiền là 337.055.549 đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán – TAND Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự; tính đến thời điểm phát hiện ngăn chặn hành vi cho vay lãi nặng giao dịch dân sự của các bị cáo vào ngày 08/10/2023 thì số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của M và đồng phạm là 375.226.434 đồng.

Hành vi nêu trên của Đỗ Thị M, Lưu Tuấn T, Hoàng Văn T3 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ pháp lý.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Các bị cáo đều là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tự nhận thức và đều biết hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước cấm nhưng vì vụ lợi mà các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần được xử lý nghiêm theo các quy định của pháp luật.

[3] Xếp vai trò, vị trí của các bị cáo trong vụ án, xét thấy: Đỗ Thị M là người thuê cửa hiệu cầm đồ, điều hành hoạt động của cửa hiệu nên xếp vai trò đầu. Lưu Tuấn T là người làm thủ tục cho khách vay tiền và đòi nợ, thu nợ theo sự chỉ đạo của M; Hoàng Văn T3 trông coi cửa hiệu, liên hệ thúc giục, đòi nợ trong trường hợp khách vay tiền chậm trả tiền lãi nên Lưu Tuấn T và Hoàng Văn T3 giữ vai trò đồng phạm giúp sức

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Đỗ Thị M, Lưu Tuấn T, Hoàng Văn T3 nhiều lần, nhiều ngày cho nhiều người vay lãi suất cao nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tháng 7/2021, bị cáo Hoàng Văn T3 bị xử phạt 15 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; do vậy, lần phạm tội này bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Thị M, Lưu Tuấn T, Hoàng Văn T3 đều T3 khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đỗ Thị M, Lưu Tuấn T đã tích cực cung cấp thông tin có giá trị cao giúp Công an phường Vị Hoàng trong công tác đấu tranh tội phạm nên Đỗ Thị M, Lưu Tuấn T còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đỗ Thị M là con liệt sĩ nên M còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đỗ Thị M, Lưu Tuấn T đã chủ động, tự nguyện nộp lại một phần số tiền đã chiếm hưởng. Tại phiên tòa, bị cáo Lưu Tuấn T có quan điểm: Bị cáo tự nguyện nộp 20.000.000 đồng để cùng với bị cáo M khắc phục số tiền chiếm hưởng bị truy thu, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Do vậy, Đỗ Thị M và Lưu Tuấn T còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Đỗ Thị M, Lưu Tuấn T chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm NLQ3, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng, đã thật sự ăn năn hối hận về việc làm của bản thân. Xét thấy, không cần thiết cách ly bị cáo Đỗ Thị M, Lưu Tuấn T ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo này được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách gấp đôi như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tại phiên tòa. Như vậy cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, tạo điều kiện cho các bị cáo sửa chữa sai lầm, cải tạo để sớm trở T3 công dân có ích cho gia đình và xã hội đồng thời cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải đối với hành vi sai phạm của mình.

Đối với bị cáo Hoàng Văn T3 là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có nhân thân xấu; mới bị đưa ra xét xử tháng 7/2021 nhưng chưa được xóa án nay lại tiếp tục phạm tội mới, thể hiện sự coi thường pháp luật; hiện bị cáo đang bị tạm giam. Do vậy, cần ấn định cho Hoàng Văn T3 một mức phạt tù trong khung hình phạt được áp dụng và tiếp tục cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và làm gương cho kẻ khác.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo M còn phải thực hiện nghĩa vụ dân sự theo quyết định của bản án; bị cáo Lưu Tuấn T, Hoàng Văn T3 là lao động tự do, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo thực hiện nghĩa vụ dân sự của bản án.

[7] Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

- Quá trình điều tra xác định Đỗ Thị M thuê Hoàng Văn T3 làm nhân viên cửa hiệu cầm đồ “Đại Phát”. Tính đến thời điểm bị bắt, Đỗ Thị M đã trả cho Hoàng Văn T3 05 tháng tiền công, tổng cộng là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Đây là tiền do đã thực hiện hành vi phạm tội được M trả công nên cần truy thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đỗ Thị M là người trực tiếp thực hiện việc cho vay tiền với lãi suất cao; tại phiên tòa, Đỗ Thị M nhận trách nhiệm thi hành toàn bộ quyết định về phần trách nhiệm dân sự theo quyết định của bản án vì Hoàng Văn T3 và Lưu Tuấn T chỉ là người làm thuê cho M. Tài liệu điều tra xác định tổng số tiền chiếm hưởng bất chính là 337.055.549 đồng. Cần buộc bị cáo M phải có trách nhiệm trả lại số tiền này cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với số tiền gốc Đỗ Thị M dùng để cho vay là 553.000.000 đồng, đây là phương tiện phạm tội và khoản tiền lãi 41.694.451 đồng tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là khoản tiền phát sinh từ tội phạm cần tuyên truy thu của bị cáo M để sung ngân sách nhà nước. Đối với khoản tiền gốc người vay chưa trả cho Đỗ Thị M cần tuyên truy thu từ người vay để sung ngân sách nhà nước.

- Số tiền 101.220.198 đồng Cơ quan CSĐT tạm giữ có trong 02 tài khoản ngân hàng MB bank mang tên Hoàng Hồng Nhung và Hoàng Ngọc Anh mà Đỗ Thị M đã sử dụng để thu tiền gốc, tiền lãi của người vay; được xem xét đối trừ vào khoản tiền Đỗ Thị M phải thi hành.

- Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Thị M nhận trách nhiệm thi hành toàn bộ quyết định về phần trách nhiệm dân sự theo quyết định của bản án; bị cáo Lưu Tuấn T có quan điểm: Bị cáo tự nguyện nộp 20.000.000 đồng để cùng với bị cáo M khắc phục số tiền chiếm hưởng bị truy thu. Do vậy, số tiền bị cáo Lưu Tuấn T nộp sẽ được đối trừ vào số tiền bị cáo Đỗ Thị M phải thi hành.

[8] Xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra và tranh tụng tại phiên tòa; xét thấy: Đã thu giữ của các bị cáo:

- Số tiền 101.220.198 đồng Cơ quan CSĐT tạm giữ, được xem xét đối trừ vào khoản tiền Đỗ Thị M phải thi hành (trong phần trách nhiệm dân sự).

- 17 (mười bảy) giấy mua bán xe và 04 hợp đồng vay tiền. Xác định giấy mua bán xe và hợp đồng vay tiền là vật chứng chứng minh tội phạm nên cần tuyên chuyển lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Dream, BKS 29F7-1231 mà Đỗ Thị M mua sử dụng làm phương tiện đi lại; 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Corolla Altis BKS 30M-3899; là những vật chứng không có liên quan đến tội phạm, không sử dụng vào việc phạm tội nên cần tuyên trả lại cho bị cáo M.

- 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell; 01 máy in nhãn hiệu Canon LBP2900; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ lưng màu hồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ lưng màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ lưng màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím cứng, vỏ màu xanh là những vật chứng thu giữ của các bị cáo. Xét máy tính, máy in và 04 điện thoại thu giữ đều có liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Đỗ Thị M, Lưu Tuấn T, Hoàng Văn T3 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng: khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị M 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo đã bị bắt tạm giam từ ngày 09-10-2023 đến ngày 09-11-2023.

2.2. Áp dụng: khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Tuấn T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo đã bị bắt tạm giam từ ngày 09-10-2023 đến ngày 09-11-2023.

Giao bị cáo Đỗ Thị M cho UBND phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; Giao bị cáo Lưu Tuấn T cho UBND phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2.3. Áp dụng: khoản 2 Điều 201; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T3 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09-10-2023.

3. Trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự,

- Tuyên truy thu của bị cáo Hoàng Văn T3 số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu) sung vào ngân sách nhà nước.

- Tuyên truy thu sung vào ngân sách nhà nước từ bị cáo Đỗ Thị M khoản tiền lãi bị cáo đã chiếm hưởng bất chính là 337.055.549 đồng và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 41.694.451 đồng; tổng = 378.750.000 đồng. Tuyên truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền gốc bị cáo Đỗ Thị M sử dụng để cho vay là 313.000.000 đồng. Đồi trừ số tiền 50.000.000 đồng Đỗ Thị M đã nộp tại biên lai thu tiền số 0004518 và 20.000.000 đồng Lưu Tuấn T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0004520 ngày 24-01-2024 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Nam Định cùng số tiền 101.220.198 đồng thu giữ trong tài khoản ngân hàng. Buộc Đỗ Thị M còn phải nộp tiếp số tiền là 520.529.802 đồng (Năm trăm hai mươi triệu năm trăm hai mươi chín nghìn tám trăm linh hai đồng)

- Tuyên truy thu của những người vay số tiền cụ thể:

NLQ1 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);

NLQ2 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);

NLQ4 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);

NLQ5 số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);

NLQ6 số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi năm triệu đồng);

NLQ8 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng);

NLQ9 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);

NLQ10 số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng);

NLQ11 số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);

NLQ12 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng);

NLQ14 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng);

NLQ15 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng);

NLQ16 số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng);

NLQ17 số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng);

NLQ19 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng);

- Buộc bị cáo Đỗ Thị M phải trả lại số tiền lãi vượt quá quy định cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

NLQ1 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);

NLQ2 số tiền 13.333.332 đồng (Mười ba triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi hai đồng);

NLQ3 số tiền 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng);

NLQ4 số tiền 29.333.333 đồng (Hai mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng);

NLQ5 số tiền 8.338.888 đồng (Tám triệu ba trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám mươi tám đồng);

NLQ6 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng);

NLQ7 số tiền 84.000.000 đồng (Tám mươi bốn triệu đồng);

NLQ8 số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng);

NLQ9 số tiền 19.666.666 đồng (Mười chín triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng);

NLQ10 số tiền 666.666 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng);

NLQ11 số tiền 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng);

NLQ12 số tiền 3.333.332 đồng (Ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi hai đồng);

NLQ13 số tiền 33.333.333 đồng (Ba mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng);

NLQ15 số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);

NLQ17 số tiền 6.400.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng);

NLQ18 số tiền 1.316.667 đồng (Một triệu ba trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng);

NLQ19 số tiền 1.333.333 đồng (Một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng);

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tuyên tịch thu hoá giá sung vào ngân sách Nhà nước 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell; 01 máy in nhãn hiệu Canon LBP2900; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ lưng màu hồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ lưng màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ lưng màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím cứng, vỏ màu xanh

- Tuyên trả lại cho Đỗ Thị M 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Dream, BKS 29F7-1231; 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Corolla Altis BKS 30M-3899

- Tuyên chuyển lưu trữ theo hồ sơ vụ án 17 (mười bảy) giấy mua bán xe và 04 hợp đồng vay tiền.

- Số tiền 101.220.198 đồng được xem xét đối trừ vào khoản tiền Đỗ Thị M phải thi hành (trong phần trách nhiệm dân sự).

(Chi tiết cụ thể ghi trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 38/24 ngày 11-12-2023 và Ủy nhiệm chi số 65 ngày 11-12-2023 giữa Phòng PC02 – Công an tỉnh Nam Định và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định).

6. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Đỗ Thị M, Lưu Tuấn T, Hoàng Văn T3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Đỗ Thị M phải nộp 16.852.777 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, báo các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC
- CA; VKSND tỉnh Nam Định.
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định;
- Các bị cáo; Người TGTT;
- UBND phường Lộc Vượng;
- UBND phường Hồng Hải;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Mai Thị Minh Hồng.
(Đã ký)**